

Ngày soạn: 5/03/2026

Ngày dạy:/...../.....

BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT
Tiết 97,98,99. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN
NHÀ THƠ CỦA QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được luận đề, luận điểm lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB nghị luận.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu.
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học; nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học; nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

2. Phẩm chất

- Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học liệu: trả lời câu hỏi

III. Tiến trình dạy học

PHẦN TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV gợi dẫn HS theo nhiều cách

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

Cách 1: Em đã được học, được đọc nhiều tác phẩm tâm huyết của các nhà văn, nhà thơ. Hãy kể tên những nhà văn, nhà thơ và tác phẩm mà em yêu thích.

Cách 2: GV tổ chức hoạt động GHEP NOI TAC GIA VA TAC PHAM

- “Đất rừng phương Nam” – Đoàn Giỏi
- “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” – Nguyễn Ngọc Thuần
- “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” – Nguyễn Huy Tưởng
- “Dế Mèn phiêu lưu kí” – Tô Hoài
- “Gió lạnh đầu mùa” – Thạch Lam
- “Nhật kí trong tù” – Hồ Chí Minh

- GV dẫn dắt vào bài mới: Tác giả và tác phẩm là hai yếu tố quan trọng của văn học, tác giả là người sáng tạo nên tác phẩm, tác phẩm là sản phẩm của quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn. Nhà văn sống bằng tác phẩm và những trang viết chính là nơi kí thác thông điệp mà nhà văn gửi đến cuộc đời. Chúng ta cùng vào chủ đề ngày hôm nay “NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT”

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: + Chủ đề của bài học là gì? + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì? + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC 1. Chủ đề Nhà văn và trang viết Nhà văn, nhà thơ là người sáng tạo nên tác phẩm. Tác phẩm văn học là kết quả của quá trình trải nghiệm đời sống, lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ. Tuy nhiên, sức hấp dẫn thực sự của tác phẩm văn học chỉ bắt đầu khi có sự tiếp nhận của người đọc. Bằng vốn sống, trí tuệ và tâm hồn của mình, người đọc sẽ đem đến các cách hiểu, cách cảm nhận khác nhau về những trang viết ấy.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ	2. Thể loại - Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam (trích, Xuân Diệu) → Nghị luận văn học
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời câu hỏi	- Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa (Trần Đình Sử) → Nghị luận văn học
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

- *Xe đêm (trích, Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki)*
→ Truyện ngắn

Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Hiểu được

+ Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học

+ Người đọc và cách tiếp cận riêng đối với một văn bản văn học

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu HS đọc SGK và tìm hiểu về tri thức ngữ văn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc sách, suy nghĩ và tìm hiểu nội dung kiến thức Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo sản phẩm, trả lời câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	II. TRI THỨC NGỮ VĂN 1. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học Văn bản nghị luận văn học là loại văn bản nghị luận trong đó người viết trình bày quan điểm, đánh giá của mình về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn học (tác phẩm, tác giả, thể loại,...) - Luận đề là vấn đề chính (về tác phẩm, tác giả, thể loại,...) được bàn luận trong văn bản, thường thể hiện ở nhan đề, phần mở đầu hoặc được suy luận từ toàn bộ văn bản. Ví dụ: Toàn bộ văn bản “<i>Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương</i>” hướng tới làm sáng tỏ vấn đề có thể đạt được sự thấu hiểu và yêu thương thông qua trò chuyện – một thông điệp nhân văn mà nhà văn Ân-toan đơ Xanh – tơ Ê- xu –pe-ri gửi gắm trong tác phẩm “<i>Hoàng tử bé</i>”. Nhan đề của văn bản đã thể hiện được luận đề. Ví dụ: Văn bản <i>Vẻ đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội”</i> (Võ Quảng) của Trần Thanh Địch chủ yếu bàn luận về vẻ đẹp trong truyện dài “<i>Quê nội</i>” thể hiện qua sự giản dị và chân thật của tác phẩm. Nhan đề văn bản này cũng chính là luận đề. - Luận điểm là những ý chính được triển khai nhằm cụ thể hóa luận đề, dựa trên đặc điểm của đối tượng được bàn luận. - Lí lẽ là những điều được nêu ra một cách có căn cứ hợp logic để làm rõ tính đúng đắn của

	luận điểm, cần chặt chẽ, khúc chiết, sắc bén, tránh dài dòng và cảm tính. - Bằng chứng là những câu văn, đoạn văn, dòng thơ, chi tiết, hình ảnh được dẫn từ tác phẩm văn học; hoặc những tài liệu, trích dẫn liên quan đến tác phẩm, tác giả, thể loại,... được dùng để làm sáng tỏ luận điểm. 2. Người đọc và cách tiếp cận riêng đối với một văn bản văn học - Chủ thể sáng tạo văn bản văn học: tác giả - Chủ thể tiếp nhận: người đọc - Quá trình tiếp nhận: Quá trình đọc, tưởng tượng và cảm nhận giá trị nghệ thuật và nội dung của các văn bản văn học * Lưu ý: - Việc tiếp nhận không thể tách rời đặc điểm của văn bản (thể loại, đề tài, chủ đề, bố cục, biện pháp nghệ thuật, các yếu tố ngôn ngữ được sử dụng). - Cách hiểu, cảm nhận về ý nghĩa, giá trị của tác phẩm sẽ có những nét riêng, không hoàn toàn đồng nhất. - Mỗi người đọc có thể lựa chọn cách đọc, cảm nhận, hiểu tác phẩm dựa trên vốn sống, kinh nghiệm,... của mình, có khả năng phát hiện ra những giá trị, ý nghĩa mới của văn bản. Ví dụ: Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên làm ví dụ. Nếu người đọc không có hiểu biết về phong tục xin chữ Hán ngày Tết thì sẽ không thể hiểu được nỗi buồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ; nếu người đọc chưa từng trải nghiệm cảm giác chứng kiến thứ mình yêu quý đang mất dần trước mắt mà không làm gì được thì sẽ khó cảm nhận hết được sự bất lực của nhân vật trữ tình khi chứng kiến giá trị văn hóa truyền thống đang ngày càng mai một; và nếu người đọc không có sự hiểu biết về kết cấu thơ trữ tình thì sẽ không phát hiện ra giá trị của kết cấu theo trật tự thời gian của bài thơ. Rõ ràng, những hiểu biết về văn hóa, văn học nghệ thuật, những trải nghiệm sống sẽ giúp cho người đọc phát hiện ra lớp nghĩa tiềm tàng trong văn bản văn học
--	--

Văn bản. NHÀ THƠ CỦA QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM
- Xuân Diệu -

I. Mục tiêu**1. Về năng lực:****a. Năng lực đặc thù**

- Luận đề và hệ thống luận điểm của VB nghị luận
- Với mỗi luận điểm, HS xác định được lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
- Những nét đặc sắc trong cách biết của tác giả, từ đó rút ra cho bản thân những bài học hữu ích trong việc viết bài văn nghị luận văn học nói riêng và tạo lập VB nói chung.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nét đặc sắc trong cách biết của tác giả, từ đó rút ra cho bản thân những bài học hữu ích trong việc viết bài văn nghị luận văn học nói riêng và tạo lập VB nói chung.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

II. Thiết bị dạy học và học liệu**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu: Phiếu học tập, trò chơi**III. Tiến trình dạy học****Hoạt động 1: Khởi động**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV chọn cách gợi dẫn phù hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em biết những tác phẩm văn học nào viết về mùa thu? Chia sẻ với các bạn về vẻ đẹp của mùa thu trong một tác phẩm mà em yêu thích.

- Sang thu- Hữu Thỉnh
- Tiếng thu- Lưu Trọng Lư
- Thu điếu- Nguyễn Khuyến

→ GV dẫn dắt vào bài học: Mỗi tác giả đều có cảm nhận cho riêng mình về vẻ đẹp của mùa thu, Nguyễn Khuyến cũng có cảm nhận riêng mình về mùa thu đó, từ đó viết nên chùm thơ thu tuyệt bút, chùm thơ thu ấy đã được nhà thơ Xuân Diệu cảm nhận hết sức tinh tế trong văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và nắm được một số thông tin chính về tác giả, tác phẩm

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Viết được nội dung bài học

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản và hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó - GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn một số thông tin giới thiệu về tác giả Xuân Diệu và văn bản Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc a. Đọc - Đọc giọng trung tính, khách quan, + Một số đoạn tác giả hướng tới đối thoại, tranh biện: đọc thể hiện được tinh thần đối thoại của tác giả + Với các bài thơ được trích dẫn: đọc với giọng truyền cảm, nhẹ nhàng - Lưu ý các thẻ chỉ dẫn: theo dõi, chú ý b. Chú thích - Khứ thanh: vốn là một trong bốn thanh điệu của tiếng Hán cổ (bình, thượng, khứ, nhập), một phần cơ bản tương ứng với thanh sắc trong tiếng Việt. - Quy khứ: trở về - Đào Uyên Minh (365-427): nhà thơ, nhà văn Trung Quốc, nổi tiếng với việc sẵn sàng từ quan ở ẩn để giữ tiết tháo trong sạch - Tử vận: những vần khó tìm được các tiếng để hiệp vần 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: Xuân Diệu (1916-1985) - Quê: Hà Tĩnh - Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam - Thơ ông nồng nàn, sôi nổi, thể hiện tấm lòng yêu đời, ham sống thiết tha.

	- Bên cạnh thơ ca, ông còn viết nhiều tiểu luận, phê bình văn học thể hiện sự khám phá tinh tế, sâu sắc về đẹp của kho tàng thơ ca dân tộc. - Một số sáng tác và tiểu luận phê bình tiêu biểu của Xuân Diệu: Thơ thơ (1938), Gửi hương cho gió (1945), Phê bình giới thiệu thơ (1960), Dao có mài mới sắc (1963), Mài sắt nên kim (1977), Các nhà thơ cổ điển Việt Nam (tập I, 1981; tập II, 1982)... b. Tác phẩm - Thể loại: Nghị luận văn học - Xuất xứ: Trích “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam”, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1982 - Bố cục: 3 phần + Phần 1 (Từ đầu.... “Thu vịnh”.): Giới thiệu về vấn đề nghị luận + Phần 2 (Tiếp.... <i>nghệ thuật ngôn ngữ</i>): Những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của từng bài thơ trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến. + Phần 3 (Còn lại): Đánh giá chung về ba bài thơ thu
--	---

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Năm được

- Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản
- Nghệ thuật lập luận của tác giả.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

- **Viết được nội dung bài học.**

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 80p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức Hoạt động nhóm - Nhóm 1: Thực hiện nhiệm vụ đầu và cuối - Nhóm 2: Tìm hiểu về vẻ đẹp riêng của Thu ẩm - Nhóm 3: Tìm hiểu về vẻ đẹp riêng của Thu vịnh - Nhóm 4: Tìm hiểu về vẻ đẹp riêng của Thu điều	II. Khám phá văn bản 1. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản a. Luận đề: Vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong bài thơ thu của Nguyễn Khuyến + Nhan đề + Nội dung của văn bản b. Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản

- Thời gian: 10 phút

Phiếu học tập

Nhóm: _____

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Theo tác giả bài nghị luận, đặc điểm chung ở ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến là:.....

.....

- Các luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng của mỗi bài thơ thu và những lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu mà tác giả sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm ấy:

Bài thơ	Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng	Lí lẽ và bằng chứng
Thu ẩm		- Lí lẽ - Bằng chứng

Phiếu học tập

Nhóm: _____

Bài thơ	Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng	Lí lẽ và bằng chứng
Thu vịnh		- Lí lẽ - Bằng chứng
Thu điếu		- Lí lẽ - Bằng chứng

- Vai trò của các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà Xuân

Diệu sử dụng trong việc thể hiện luận đề:.....

.....

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm nhóm
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá.

***Đặc điểm chung ở ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến:** Sử dụng những hình ảnh đặc trưng của đồng bằng xứ Bắc, khiến mùa thu hiện lên “có thật”, “rất sống” không mang tính sách vở từ chương

- Ở bài **Thu ẩm**: mùa thu hiện lên trong vẻ đẹp bình dân, hiện thực – “nhà cỏ thấp le te”. Các câu 2,3,4,5 được tác giả nhận xét là “rất hay”, “hay trong cái thực của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ”.

- Ở bài **Thu vịnh**: Nguyễn Khuyến đã gọi lên được cái “thần” của mùa thu với trời xanh, cây tre Việt Nam, cái băng khuâng về không gian, sự man mác của thời gian và những trần trối của ông về vòng danh lợi, lẽ xuất xử hành tàng.

- Ở bài **Thu điếu**: “điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ)”

***Đặc riêng biệt ở ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến**

*** Thu ẩm**

Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp của mùa thu ở nhiều thời điểm, sự khái quát về cảnh thu

Lí lẽ:

- Nếu chỉ nói cảnh một đêm thu có trăng, thì bài thơ tù túng và thiếu lô-gíc

- “Ngõ tối đêm sâu” mâu thuẫn với “Làn ao lóng lánh bóng trăng loe”

- “Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt” thì không hợp, không điển hình với một đêm có trăng

- Khói bếp nhà ai đã nấu cơm chiều

- “Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt” là trời của một buổi chiều

Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài “Thu ẩm” và hai câu thơ chữ Hán của Nguyễn Khuyến.

*** Thu vịnh**

Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ mang cái hồn, cái thần của cảnh vật mùa thu hơn cả: vẻ thanh – trong – nhẹ - cao

Lí lẽ: - Cái hồn, cái thần của cảnh thu là nằm ở bầu trời

	+ Trời thu rất cao tỏa xuống cả cảnh vật (miêu tả trực tiếp bầu trời) + Cây tre như cần câu in lên trời biếc, gió đẩy đưa khe khẽ mang về đẹp thanh đậm + “Song thưa để mặc bóng trăng vào” thuộc về trời cao. + “Một tiếng trên không ngỗng nước nào” cũng nói về trời cao - “Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái” gợi cái băng khuâng man mác về thời gian. - “Nước biếc trong như tầng khói phủ” bay bổng nhẹ nhàng, mơ mờ hư thực Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài “Thu vịnh” * Thu điều Luận điểm thể hiện về đẹp riêng: Bài thơ điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ) Lí lẽ: - Bình Lục là vùng đất nhiều ao - Ao nhỏ, thuyền theo đó cũng bé tẻo teo, sóng biếc rất nhẹ, lá vàng rụng theo gió. - Không gian “nhìn lên: trời thu xanh cao đám mây động lơ lửng; trông quanh: lối đi trong làng hai bên tre biếc mọc sầm uất,...” - Nhấn mạnh cái thú vị của Thu điều là ở “ác điệu xanh”, ở “những cử động”, “ở các vần thơ” Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài “Thu điều” *Vai trò của các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng - Điều tập trung hướng đến làm sáng tỏ luận đề. - Cụ thể hóa luận đề về vẻ đẹp của làng cảnh Việt Nam trong thơ Nguyễn Khuyến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức Hoạt động nhóm - Nhóm 1,3 thực hiện nhiệm vụ 1: Tác giả đã sử dụng những cách nêu bằng chứng nào? Em có nhận xét gì về cách phân tích bằng chứng của tác giả? - Nhóm 2,4 thực hiện nhiệm vụ 2: Em có nhận xét gì về nghệ thuật nghị luận	2. Nghệ thuật lập luận của tác giả a. Cách nêu và phân tích bằng chứng của tác giả *Cách nêu bằng chứng - Trích dẫn nguyên văn bài thơ, câu thơ, cụm từ, từ - Dẫn gián tiếp ý thơ - Dẫn các hình ảnh thơ *Cách phân tích bằng chứng

của văn bản (cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề, tổ chức luận điểm, ngôn ngữ, giọng văn nghị luận,...)?

Phiếu học tập

Nhóm:

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về nghệ thuật lập luận của tác giả

- Những cách nêu bằng chứng của tác giả là:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phiếu học tập

Nhóm:

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về nghệ thuật lập luận của tác giả

- Nhận xét về nghệ thuật nghị luận trong văn bản

Những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết văn nghị luận của Xuân Diệu

Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề

Cách tổ chức luận điểm

Cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng

Ngôn ngữ

Lời văn, giọng điệu

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS lắng nghe và hoàn thành nhiệm vụ nhóm

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài

- Phân tích cụ thể, chi tiết, chú trọng các nghĩa, lí giải

- Phân tích bám sát ngôn ngữ văn bản

- Phân tích gắn với tưởng tượng, liên tưởng

- Phân tích gắn với so sánh, liên hệ

b. Những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả

- Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề: Tự nhiên, hợp lí

- Cách tổ chức luận điểm: Chặt chẽ

- Cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng: Sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục

- Ngôn ngữ: Có sự đan xen của yếu tố biểu cảm khiến văn bản giàu cảm xúc, không khô khan

- Lời văn, giọng điệu: Linh hoạt, khi thì giảng giải, cắt nghĩa tỉ mỉ, lúc lại tưởng tượng, liên tưởng bay bổng, có khi mang tính đối thoại,

tranh biện, có khi lại say sưa, chân thành, tràn đầy tình cảm và niềm tự hào với di sản văn học dân tộc.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	- Lập luận chặt chẽ, mạch lạc, đưa ra các luận điểm chính và lí lẽ, dẫn chứng để chứng minh, tạo sự thuyết phục. - Ngôn ngữ giản dị, gần gũi - Giọng văn nhẹ nhàng, dẫn dắt người đọc tìm hiểu lần lượt ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến 2. Nội dung Mỗi bài thơ thu của Nguyễn Khuyến mang một nét đặc sắc riêng nhưng đều là những cảnh sắc không thể lẫn của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Những bức tranh thu ấy được vẽ nên bằng tâm hồn tinh tế, ngòi bút tài hoa và tấm lòng yêu quê hương của Nguyễn Khuyến.
---	---

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 10p

GV tổ chức trò chơi VÒNG QUAY MAY MẮN

1. Đây là nhận xét của Xuân Diệu về bài thơ "Thu Ẩm"

A. Bài thơ không chỉ nói trong một thời điểm mà là tổng hợp nhiều thời điểm, khái quát về cảnh thu

B. Bài thơ tù túng và thiếu lô-gic

C. Bài thơ tả quan cảnh ước lệ văn hoa sang trọng

D. Bài thơ có những câu thơ bằng chữ Hán

2. Văn bản "Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam" viết về nhà thơ nào?

A. Xuân Diệu

B. Nguyễn Khuyến

C. Tô Hữu

D. Nguyễn Đình Thi

3. "Bài này mang cái hồn của cảnh vật mùa thu hơn cả" là nhận xét của Xuân Diệu cho bài thơ nào?

A. Thu vịnh

B. Thu điếu

C. Thu ẩm

D. Sang thu

4. Nghệ thuật nghị luận của văn bản "Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam" là:

- A. Bố cục mạch lạc, chặt chẽ
- B. Ngôn ngữ gần gũi, văn phong dễ hiểu
- C. Bằng chứng, lập luận đầy đủ

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

5. Xuân Diệu cho rằng ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến là thành công tốt đẹp của quá trình "dân tộc hóa nội dung mùa thu" và "dân tộc hóa hình thức lời thơ". Nhận định trên là đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

6. Đâu là tác phẩm nổi bật của Nguyễn Khuyến?

A. Thu điều

B. Thu vịnh

C. Thu ẩm

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

1. GV tổ chức hoạt động Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận của em về một hình ảnh đặc sắc trong một bài thơ thu của Nguyễn Khuyến

- Hình ảnh thơ hiện lên như thế nào?

- Nghệ thuật thể hiện hình ảnh ấy có gì đặc sắc

2. GV nêu nhiệm vụ: Xuân Diệu cho rằng: Ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến là thành công tốt đẹp của quá trình “dân tộc hóa nội dung mùa thu” và “dân tộc hóa hình thức lời thơ”. Em suy nghĩ như thế nào về nhận định trên?

Gợi ý:

- Dân tộc hóa là việc nhà văn, nhà thơ vận dụng và phát triển một cách sáng tạo phương thức tư duy nghệ thuật, hình thức, thủ pháp nghệ thuật đặc thù của dân tộc mình để phản ánh hiện thực cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của dân tộc. Đây là một trong những tiêu chí đánh dấu sự trưởng thành về văn học nghệ thuật của một dân tộc.

- Về phương diện nội dung, chùm thơ thu đã thể hiện được vẻ đẹp của quê hương, làng cảnh Việt Nam, vẻ đẹp của đồng bằng Bắc Bộ trên đất nước ta, chứ không phải ở một quốc gia nào khác.

- “Dân tộc hóa hình thức lời thơ” có nghĩa là tác giả đã sử dụng “hình thức lời thơ, câu thơ cho thật là Nôm, là Việt Nam”, nhiều hình ảnh giản dị, gần gũi, dễ hiểu.

Rút kinh nghiệm

.....

Tiết 100

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**I. Mục tiêu****1. Về năng lực:****a. Năng lực đặc thù**

- Hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán
- Xác định được chức năng của thành phần tình thái, thành phần cảm thán, biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập văn bản.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

- Nhận biết được hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học**Hoạt động 1: Khởi động**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV giao nhiệm vụ: Xác định các thành phần câu trong ví dụ sau: *Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng.*

- *Chẳng bao lâu:* là **trạng ngữ**. → TP phụ
 - *Tôi:* là **chủ ngữ**
 - *Đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng:* là **vị ngữ**.
- TP chính

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu thêm một thành phần phụ của câu. Đó chính là thành phần biệt lập, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. **Mục tiêu:** HS tìm hiểu kiến thức về thành phần tình thái và thành phần cảm thán.

* **Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện: 15p**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi và hướng dẫn HS phân tích ví dụ minh họa + Thành phần biệt lập là gì? Thành phần biệt lập được chia thành mấy loại, đó là những loại nào? + Hãy chú ý vào các từ in đậm, cho biết vị trí và chức năng của chúng trong câu? Ví dụ: <i>Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đưa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.</i> → “chắc chắn”: đứng đầu câu, thể hiện sự đánh giá về tính chính xác của thông tin được nói tới trong câu → Thành phần tình thái Ví dụ: <i>Hoạ sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thì cô gái đã bước tới, đường như làm việc ấy hộ bố.</i> → “Đường như”: đứng giữa câu, thể hiện ý không chắc chắn về sự việc đang được nói đến → Thành phần tình thái Ví dụ: <i>Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hân hân hữu cho sáng tác, nhưng hoàn</i>	I. Hình thành kiến thức 1. Thành phần biệt lập - Khái niệm: là thành phần không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, định ngữ, bổ ngữ) và cũng không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu. - Phân loại: + Thành phần tình thái + Thành phần cảm thán + Thành phần gọi - đáp + Thành phần chêm xen (phụ chú) 2. Đặc điểm và chức năng của thành phần biệt lập <table><tr><th>Tên TPBL</th><th>Chức năng</th><th>Từ ngữ thường dùng</th><th>Vị trí trong câu</th></tr><tr><td>Tình thái</td><td>thể hiện thái độ, cách đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được nói tới trong câu</td><td>Chắc chắn, hẳn là, ngộ nhỡ, hình như, chẳng lẽ, hay là...</td><td>Linh hoạt (thường đứng ở đầu câu, giữa câu)</td></tr><tr><td>Cảm thán</td><td>để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói (người viết)</td><td>Ôi, a, ối, trời, lạy trời, trời ơi, giờ ơi, than ôi, hỡi ơi...</td><td>Thường đứng ở đầu câu</td></tr></table>	Tên TPBL	Chức năng	Từ ngữ thường dùng	Vị trí trong câu	Tình thái	thể hiện thái độ, cách đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được nói tới trong câu	Chắc chắn, hẳn là, ngộ nhỡ, hình như, chẳng lẽ, hay là...	Linh hoạt (thường đứng ở đầu câu, giữa câu)	Cảm thán	để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói (người viết)	Ôi, a, ối, trời, lạy trời, trời ơi, giờ ơi, than ôi, hỡi ơi...	Thường đứng ở đầu câu
Tên TPBL	Chức năng	Từ ngữ thường dùng	Vị trí trong câu										
Tình thái	thể hiện thái độ, cách đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được nói tới trong câu	Chắc chắn, hẳn là, ngộ nhỡ, hình như, chẳng lẽ, hay là...	Linh hoạt (thường đứng ở đầu câu, giữa câu)										
Cảm thán	để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói (người viết)	Ôi, a, ối, trời, lạy trời, trời ơi, giờ ơi, than ôi, hỡi ơi...	Thường đứng ở đầu câu										

thành được sáng tác còn là một chặng đường dài. → “Chao ôi”: đứng ở đầu câu, biểu lộ cảm xúc (sự xúc động của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu → Thành phần cảm thán Ví dụ: <i>O, cái bà này! Sao bà cứ cuống quýt lên vậy?</i> → “O”: đứng ở đầu câu, biểu lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu → Thành phần cảm thán Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về các thành phần biệt lập

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**
Làm được các bài tập nhận biết.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 2 nhóm + Nhóm cảm thán + Nhóm tình thái Yêu cầu: hoàn thành PHT	Bài tập 1 a. Chắc hẳn: Thể hiện sự phỏng đoán tương đối chính xác về nhận định: <i>Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt</i> không phải là bầu trời trong một đêm trăng, đó là trong một buổi chiều

Phiếu học tập THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT _____		
Ví dụ	Thành phần tình thái	Tác dụng
a. Mặt nữa, "Đa trời sì nhuộm mà xanh ngắt" chắc hẳn không phải là trời một đêm trắng, mà phải là trời một buổi chiều		
b. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể là những cái đó,....		
c. Con cá nhăm yên. Có lẽ vì thắm một nên gió đấy nó ngủ.		

Phiếu học tập THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT _____		
Ví dụ	Thành phần cảm thán	Tác dụng
a. Trời ơi, ước gì thấy Duy - sen là anh ruột của tôi		
b. Mà tôi cũng coi nó là gió Tết, nghe gió, mà thuận miệng hát "Cây rổi mùa qua sông cây muốn. Ông trời ông thổi ngon chường buồn cha chả là buồn...." rồi thở dài cái thượt "Ừ hự, lụi lụi mà hết năm"		

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Làm được các bài tập nhận biết.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức trò chơi BÍ MẬT KHO BÁU CỔ

Câu hỏi 1. Tìm các thành biệt lập trong câu sau và cho biết đó là thành phần tình thái hay cảm thán: “*Nhưng còn cái này mà ông sợ, có lẽ còn ghe rợn hơn cả những cái kia nhiều.*”

→ Thành phần tình thái: Có lẽ

Câu hỏi 2. Tìm các thành biệt lập trong câu sau và cho biết đó là thành phần tình thái hay cảm thán: “*Trong giờ phút cuối cùng, không đủ sức trắng trời lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi hồi lâu.*”

→ Thành phần tình thái: Hình như

Câu hỏi 3. Tìm thành phần cảm thán trong câu sau và cho biết thành phần đó bộc lộ cảm xúc gì: “*Chà, cái mặt nhẫn kim cương đẹp quá, quý quá!*”

→ “Chà” → Cảm xúc thán phục

Câu hỏi 4. Tìm các thành biệt lập trong câu sau và cho biết đó là thành phần tình thái hay cảm thán: “*Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hân hũu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.*”

→ Thành phần cảm thán “Chao ôi”

Câu hỏi 5. Tìm các thành biệt lập trong câu sau và cho biết đó là thành phần tình thái hay cảm thán: “*Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.*”

→ Thành phần tình thái: Chả nhẽ, ngờ ngợ như

Câu hỏi 6. “*Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa*”. Câu thơ có sử dụng thành phần cảm thán, đúng hay sai?

→ Đúng

Câu hỏi 7. Tìm thành phần cảm thán trong câu sau và cho biết thành phần đó bộc lộ cảm xúc gì: “*Quái, đã đến giờ chưa nhỉ? Sao Phạm Huy Văn và Lê Thành mãi vẫn chưa tới.*”

→ “Quái” → Cảm xúc ngạc nhiên

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

Tiết 101,102.

Văn bản

ĐỌC VĂN- CUỘC CHƠI TÌM Ý NGHĨA

- Trần Đình Sử -

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB
- Cách nêu luận đề, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.
- HS hiểu được bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, biết tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Làm được các bài tập nhận biết.

2. Về phẩm chất:

- Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Hình ảnh, phiếu học tập, trò chơi liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động gợi dẫn bằng hoạt động

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV đặt câu hỏi gợi dẫn:

1. Sách văn học hấp dẫn đối với nhiều người. Điều gì tạo nên sức cuốn hút ấy?

- Sức cuốn hút của sách văn học đến từ ý nghĩa mà mỗi cuốn sách gợi lên, từ đó khiến người đọc khám phá sâu sắc hơn về bản thân và cuộc sống

2. Có những tác phẩm văn học cần được đọc đi đọc lại nhiều lần. Theo em, thực tế đó nói lên điều gì?

- Việc đọc lại nhiều lần cho thấy ý nghĩa của tác phẩm văn học không phải là hiển nhiên, có tính cố định, mà là kết quả của một quá trình cảm thụ, suy ngẫm, khám phá. Cùng với sự trải nghiệm và trưởng thành qua thời gian, mỗi lần đọc là một lần người đọc khám phá thêm những lớp ý nghĩa mới của tác phẩm.

→ GV dẫn dắt vào bài học: Tiếp nối chủ đề Nhà văn và trang viết, hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu văn bản *Đọc văn- cuộc chơi tìm ý nghĩa nhé!*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và nắm được thông tin cơ bản về tác phẩm

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 25p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc văn bản - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Trình bày ngắn gọn những hiểu biết về tác giả Trần Đình Sử và tác phẩm Đọc văn- cuộc chơi tìm ý nghĩa Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm. - Chú ý các thẻ chỉ dẫn theo dõi, chú ý, suy luận. 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: - Trần Đình Sử sinh năm 1940 - Quê: Thừa Thiên Huế - Là nhà nghiên cứu, lí luận – phê bình văn học. - Công trình khoa học chính: <i>Thi pháp thơ Tố Hữu</i> (1987), <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i> (1999), <i>Thi pháp “Truyện Kiều”</i> (2002), <i>Trên đường biên của lí luận văn học</i> (2014), <i>Dẫn luận thi pháp học văn học</i> (2017),... b. Tác phẩm - Thể loại: Nghị luận văn học - Xuất xứ: Trích “Đọc văn học văn”, NXB Giáo dục, 2001. - Bố cục + Phần 1: (Đoạn 1) Đặt vấn đề: Đọc văn là quá trình đi tìm ý nghĩa tiềm ẩn bên trong tác phẩm văn học + Phần 2: (Đoạn 2,3,4,5): Phân tích quá trình đi tìm ý nghĩa của văn bản thông qua hoạt động đọc. + Phần 3: (Còn lại): Khái quát vai trò của việc đọc văn.

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được

- Luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản

- Cách triển khai vấn đề nghị luận

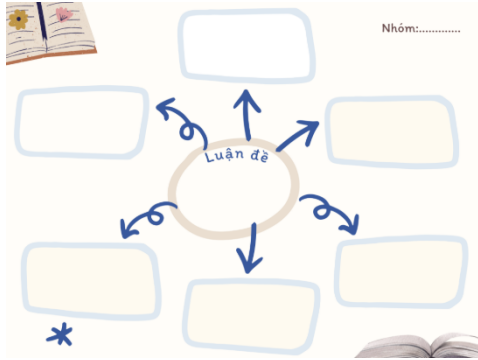
*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 80p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức Thảo luận nhóm đôi 1. Luận đề của văn bản “Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa” là gì? 2. Em hãy chỉ ra các luận điểm trong văn bản. Các luận điểm đó có tác dụng làm rõ những khía cạnh nào của luận đề?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá. Tác giả cho rằng ý nghĩa của tác phẩm văn học thường không cố định. Câu văn nào trong văn bản giúp em hiểu rõ về vấn đề này? “Lí thuyết đọc ngày nay cho thấy ý nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tùy vào cách người ta thiết lập mối quan hệ giữa các loại văn bản với nhau.”	II. Khám phá văn bản 1. Luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản - Luận đề: Bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn - Luận điểm 1: Ý nghĩa của văn học là tiềm ẩn và khó nắm bắt - Luận điểm 2: Mục đích của việc đọc văn là đi tìm ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học - Luận điểm 3: Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết - Luận điểm 4: Người đọc được quyền tự do nhưng không thể tùy tiện trong tiếp nhận - Luận điểm 5: Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì - Luận điểm 6: Giá trị của việc đọc văn → Các luận điểm trên đều làm rõ những khía cạnh khác nhau của luận đề
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	2. Cách triển khai vấn đề nghị luận

**GV tổ chức hoạt động nhóm lớn
(4 nhóm), hoàn thành PHT
Thời gian: 10 phút**

NHÓM: _____ LỚP: _____

Phiếu học tập số 1

Nhiệm vụ 1: Đọc đoạn 1,2 và cho biết ý nghĩa của văn học và mục đích của việc đọc văn là gì?

Nhiệm vụ 2: Trong văn bản, các từ ngữ như "chơi trò", "trò chơi", "ú tim", "chơi" được lặp lại nhiều lần. Với những từ ngữ đó, tác giả lí giải như thế nào về việc đọc văn?

NHÓM: _____ LỚP: _____

Phiếu học tập số 2

Luận điểm "cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc" ở đoạn (3) đã được tác giả làm sáng tỏ như thế nào? Em hãy bổ sung một số bằng chứng lấy từ trải nghiệm đọc của chính mình.

a. Luận điểm 1,2

- Văn học có một đặc điểm quan trọng là có ý nghĩa, nhưng đó là ý nghĩa tiềm ẩn.
- Đọc văn là cuộc đi tìm ý nghĩa nhân sinh qua các văn bản thẩm mỹ của văn học bằng chính tâm hồn người đọc
- Hoạt động đọc văn cũng giống như một cuộc chơi cần có luật và phải đem đến cho người tham gia niềm vui thích, sự hứng khởi. Đọc văn cũng như vậy, đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó và trong quá trình đọc văn người đọc cũng tìm thấy niềm vui, ý nghĩa của việc đọc. Không chỉ vậy, tác giả liên tưởng đến trò chơi ú tim còn có hàm ý đây là **cuộc chơi có nhiều bất ngờ**.

b. Luận điểm 3,4,5

Luận điểm 3: Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết

- Chỉ ra nguyên nhân cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc

+ Ý nghĩa của văn học không chỉ nằm trong văn bản, mà còn nằm trong mối liên hệ nhiều mặt giữa văn bản với cuộc đời

+ Ý nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tùy vào cách thiết lập mối liên hệ giữa các loại văn bản với nhau.

- Phủ định quan niệm cũ cho rằng ý nghĩa của tác phẩm văn học là cố định, đơn nhất.

- Khẳng định đặc trưng của văn học: có tính đa nghĩa, mơ hồ

- Theo lí thuyết tiếp nhận và quan niệm mới về tác phẩm văn học, mỗi người đọc có một cách tiếp nhận khác nhau về tác phẩm và có cơ hội bình đẳng như nhau trong trò chơi tìm ý nghĩa

Ví dụ:

"Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay"
(Bằng Việt, *Bếp lửa*)

- Sự nhớ lại cảm giác bị khói hun thuở nhỏ

- Sự xúc động như muốn khóc của người cháu trong hiện tại khi nhớ lại những kỉ niệm tuổi thơ

Luận điểm 4: Người đọc được quyền tự do nhưng không thể tùy tiện trong tiếp nhận
Thưởng thức văn học cũng có quy luật

NHỚC: _____ LỚP: _____ Phiếu học tập số 3 Nhiệm vụ 1: Trong đoạn (4) có câu: “Thường thức văn học cũng có quy luật”. Câu văn đó nhắc nhở em điều gì? Nhiệm vụ 2: Đọc đoạn (5) và cho biết vì sao tác giả quan niệm tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì. Giọng văn trong đoạn (5) có gì khác với những đoạn còn lại?	- Nhắc nhở người đọc được tự do trong tiếp nhận nhưng không thể tùy tiện. - Người đọc cần căn cứ vào những tín hiệu thẩm mĩ, ngôn từ, hình tượng,... để giải mã văn bản. → Sự tiếp nhận của người đọc về văn bản tuy phong phú, đa dạng nhưng có nhiều điểm gặp gỡ Luận điểm 5: Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì - Hiện tượng “sách từ bên ngoài chuyển vào nội tâm người đọc, người đọc hóa thân vào nhân vật trong sách” - Tác phẩm và người đọc hòa vào nhau, “nhà văn chiếm chỗ trong tâm trí ta, còn ta lại chiếm tác phẩm của họ” - Tác phẩm “gần như xóa bỏ ranh giới giữa ta và tác giả”.
NHỚC: _____ LỚP: _____ Phiếu học tập số 4 Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6). Mối quan hệ đó làm rõ ý nghĩa gì của việc đọc văn?	Giọng văn - Nêu vấn đề bằng hình thức câu hỏi và trả lời khiến giọng văn mang tính đối thoại, sinh động, thu hút sự chú ý của người đọc. - Sử dụng câu cảm thán đúng mức khiến lời văn nghị luận không khô khan mà giàu cảm xúc, tác động vào trái tim người đọc - Sử dụng điệp ngữ “cho nên” tạo điểm nhấn cho giọng văn, khiến người đọc chú ý vào diễn giải của tác giả. c. Luận điểm 6: Giá trị của việc đọc văn - Đoạn 5 và 6 có quan hệ nhân – quả. + Đoạn 5 là chỉ ra đọc văn là hiện tượng diệu kì, trong quá trình đọc văn, người đọc đã hóa thân vào tác phẩm + Đoạn 6 thể hiện kết quả, nhờ quá trình hóa thân ấy mà người đọc khám phá sâu sắc hơn về bản thân mình, trưởng thành hơn trong nhận thức, tình cảm, ứng xử - Ý nghĩa của việc đọc văn + Đối với học sinh: là nền tảng của học văn, muốn học giỏi văn phải bắt đầu bằng đọc văn + Đối với độc giả nói chung: giúp “tự phát hiện ra mình và lớn lên” - Bằng chứng: + Đỗ Phủ + M.Go-rơ-ki

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS hoàn thành nhiệm vụ nhóm
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS khái quát nội dung, nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ - Cách diễn đạt, so sánh sinh động 2. Nội dung Bài viết chỉ ra bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, đó là tìm ra ý nghĩa nhân sinh của văn bản.
--	---

Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

* **Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**
Làm được các bài tập nhận biết.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:** 20p

GV tổ chức trò chơi HỌC CÙNG NOBITA

1. **Luận đề của văn bản “Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa” là gì?**

→ Bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn

2. **Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6).**

→ Mối quan hệ nhân - quả

3. **Mục đích của việc đọc văn là đi tìm ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học, là nội dung của luận điểm thứ mấy?**

→ Luận điểm 2

4. **Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: Các luận điểm trên đều làm rõ những khía cạnh khác nhau của.....**

→ Luận đề

5. **Văn bản “Đọc văn- cuộc chơi tìm ý nghĩa” thuộc thể loại văn bản nào?**

→ Văn bản nghị luận văn học

6. **Để làm sáng tỏ luận đề: Bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, tác giả đã sử dụng bao nhiêu luận điểm?**

→ 6 luận điểm

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**
Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức hoạt động VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC: Vì sao có thể nói “không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong”? Em hãy viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trả lời câu hỏi đó.

- Về nội dung: lí giải được vì sao “không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong”.
- Về hình thức: cần đảm bảo số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn cần đúng chính tả, ngữ pháp; sử dụng từ ngữ phù hợp, đảm bảo sự liên kết, mạch lạc

Rút kinh nghiệm

.....

Tiết 103

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Hai thành phần biệt lập: gọi – đáp, chêm xen
- Xác định được chức năng của thành phần gọi- đáp, thành phần chêm xen, biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập văn bản.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**
Làm được các bài tập nhận biết.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án, Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp, Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV áp dụng kĩ thuật KWL

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Tiếp nối bài học ngày hôm trước. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu thêm hai loại thành phần biệt lập còn lại, đó là thành phần phụ chú và chêm xen. Chúng ta cùng vào bài học Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu kiến thức về thành phần gọi – đáp và thành phần chêm xen.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM			
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS phân tích ví dụ và rút ra đặc điểm của thành phần gọi – đáp, chêm xen Ví dụ: <i>Dòng suối trong trẻo của thầy – thầy âu yếm nhìn tôi – em thông minh lắm!</i> → “ <i>thầy âu yếm nhìn tôi</i> ”: nằm ở giữa câu, giữa hai dấu gạch ngang, được dùng để làm rõ thái độ, tình cảm của nhân vật → Thành phần chêm xen (phụ	I. Hình thành kiến thức 2. Đặc điểm và chức năng của thành phần biệt lập			
	Tên TPBL	Chức năng	Từ ngữ thường dùng	Vị trí trong câu
	Chêm xen (phụ chú)	dùng để bổ sung, làm rõ thêm một đối tượng		- Thường đứng ở giữa câu - Nằm giữa: + dấu ngoặc đơn + dấu gạch ngang

chú)

Ví dụ: *Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi đi trên con đường dài và hẹp.*

→ “**một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh,**”: nằm ở giữa câu, giữa hai dấu phẩy, được dùng để bổ sung thông tin cho buổi mai hôm ấy, một buổi mai đáng nhớ bởi nó gắn với kỉ niệm về ngày tựu trường đầu tiên.

→ **Thành phần chêm xen (phụ chú)**

Ví dụ: *Anh Mên ơi, anh Mên!*

→ “**ơi**”: đứng ở giữa câu, dùng để hô gọi, Mon gọi Mên

→ **Thành phần gọi - đáp**

Ví dụ:

- Ông Giuốc-đanh: - *Lại còn phải bảo cái đó à?*

- Phó May: - **Vâng**, phải bảo chứ. Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả

→ “**Vâng**”: đứng ở đầu câu, là lời Phó May dùng để đáp lại lời ông Giuốc-đanh

→ **Thành phần gọi - đáp**

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

	nào đó trong câu.		+ dấu phẩy, hoặc giữa + dấu gạch ngang và dấu phẩy - Có khi được đặt sau dấu hai chấm
Gọi - đáp	dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.	Vâng, dạ, ơ, ă, thưa, bầm	Linh hoạt (thường đứng ở đầu câu, giữa câu)

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu hoàn thành PHT  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ	Bài tập 1 a. Thừa anh - Là thành phần gọi đáp mà Dế Choắt dùng để gọi Dế Mèn. - Thể hiện sự tôn kính của kẻ dưới với người trên b. Ê - Lời gọi của Nét Len - Thể hiện thái độ suồng sã của Nét Len với người được gọi. c. Oi - Là lời gọi- đáp - Thể hiện lời của những người qua đường gọi cậu bé. Bài tập 2 a. Cửa các tác giả khác: Làm rõ các bài thơ thu khác mà Xuân Diệu muốn nói đến là các tác giả khác chứ không phải của Nguyễn Khuyến. b. đây là “xứ Vườn Bưởi” ...cụ Nguyễn Khuyến: Giải thích thêm về cụm từ Vườn bưởi chốn cũ để người đọc không hiểu nhầm về phạm vi không gian được nói đến c. món mực ống mà Xe-cret-ta-ri-ô chôm được từ bếp nhà hàng: Làm rõ thêm về món yêu thích của con hải âu d. phân tích, bình giảng, bình luận: Làm rõ hơn về các hoạt động có liên quan đến “đọc văn”, ý nói rằng phân tích, bình giảng, bình luận cũng là kết quả của việc đọc văn Bài tập 3 a. Hẩn - thành phần tình thái b. Mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - thành phần chêm xen c. Oi - thành phần gọi - đáp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thảo luận, báo cáo sản phẩm nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	d. Ôi - thành phần cảm thán
--	------------------------------------

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

1. GV tổ chức hoạt động XÂY DỰNG HỘI THOẠI

- Hình thức hoạt động cặp đôi

- Yêu cầu: xây dựng đoạn hội thoại với chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng thành phần gọi - đáp và thành phần chêm xen. Chỉ rõ và nêu tác dụng

2. GV yêu cầu HS hoàn thành cột L

KWL

“CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP”

Những điều đã biết về các thành phần biệt lập	Điều muốn biết thêm về các thành phần biệt lập	Những điều đã học được về các thành phần biệt lập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Tiết 104

Văn bản 3

XE ĐÊM*- Pau- xtop- xki -***I. Mục tiêu****1. Về năng lực:****a. Năng lực đặc thù**

- Củng cố tri thức về văn bản truyện
- Cảm nhận được nhân vật An-đéc-xen ở các phương diện: chân dung, tính cách, tấm lòng nhân hậu và trí tưởng tượng bay bổng- điều khiến truyện cổ tích của ông chinh phục hàng triệu khán giả trên thế giới.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Biết được nhân vật An-đéc-xen ở các phương diện: chân dung, tính cách, tấm lòng nhân hậu và trí tưởng tượng bay bổng- điều khiến truyện cổ tích của ông chinh phục hàng triệu khán giả trên thế giới.

2. Về phẩm chất:

- Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

II. Thiết bị dạy học và học liệu**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Hình ảnh, phiếu học tập, trò chơi liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học**Hoạt động 1: Khởi động**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động gợi dẫn bằng hoạt động

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Truyện cổ An-đéc-xen đã rất quen thuộc với các em, qua những câu chuyện ấy, em hình dung An-đéc-xen là người như thế nào? Em có thể nêu ngắn gọn cảm nhận của em về An-đéc-xen được không?

→ **GV dẫn dắt vào bài học:** An-đéc-xen là nhà văn đã quen thuộc với chúng ta qua các câu chuyện cổ, ở văn bản đọc ngày hôm nay, An-đéc-xen không xuất hiện với tư cách nhà văn mà với tư cách một nhân vật. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản “Xe đêm” để cảm nhận về nhân vật An-đéc-xen ở các phương diện chân dung, tính cách,

tấm lòng nhân hậu và trí tưởng tượng bay bổng – điều khiến truyện cổ tích của ông chinh phục hàng triệu độc giả trên thế giới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và nắm được thông tin cơ bản về tác phẩm

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 13p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc phân vai văn bản và tìm hiểu một số từ khó qua hoạt động ghép nối - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Trình bày ngắn gọn những hiểu biết về tác giả Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki và tác phẩm Xe đêm Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc, chú thích a. Đọc Đọc phân vai: - Người dẫn chuyện: đọc nhẹ nhàng, truyền cảm. - Các nhân vật khác: đọc đúng giọng điệu của các nhân vật (nhà tu hành: nghiêm khắc; thiếu phụ E-lê-na: dịu dàng; các cô gái đi nhờ xe: vui tươi, hồn nhiên; An-đéc-xen: khi thì điềm đạm, dịu dàng, lúc thủ thỉ, tâm tình, khi lại tràn đầy hứng khởi, vui tươi... b. Chú thích - Hăm-lét: tên của nhân vật chính trong vở kịch Hăm-lét của Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare) - Du: một loại cây thân gỗ được trồng nhiều ở vùng ôn đới, mép lá hình răng cưa, vỏ màu nâu xám - Giáo hoàng: người đứng đầu giáo hội La Mã của đạo Cơ Đốc - Giuýt-len: bán đảo ở Bắc Âu, thuộc về Đan Mạch 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki (1892 – 1986) - Là nhà văn Nga nổi tiếng. - Truyện ngắn của ông mang chất thơ nhẹ nhàng, tinh tế, khơi dậy ở người đọc sự rung cảm trước những vẻ đẹp bình dị, khuất lấp, dễ bị lãng quên trong cuộc sống.

	- Một số tác phẩm của ông đã được dịch ra tiếng Việt: <i>Cô gái làm ren</i> (1958), <i>Chiếc nhẫn bằng thép</i> (1973), <i>Một mình với mùa thu</i> (1984), <i>Câu chuyện phương Bắc</i> (1987), <i>Chuyện kể về cuộc đời</i> (2012),... nhưng nổi tiếng nhất là tập truyện ngắn <i>Bông hồng vàng</i> (1961) nói về công việc lao động sáng tạo của nhà văn. b. Tác phẩm - Thể loại: Truyện ngắn - Nhân vật chính: An-đéc-xen - Đề tài: sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó trong văn chương cũng như trong đời sống. - Các sự việc chính + An-đéc-xen cùng hai hành khách khác (một nhà tu hành, một thiếu phụ) cùng đi trên chuyến xe đêm từ Vơ-ni-dơ đến Vê-rô-na + Trên đường đi, họ gặp ba cô gái muốn lên xe nhưng không có tiền, An-đéc-xen đã giúp họ trả tiền + Trên chuyến xe ấy, để góp vui, An-đéc-xen đã trò chuyện cùng các cô gái, thử tưởng tượng về cuộc sống, tiên đoán về hạnh phúc và tương lai của họ,... Các cô gái say sưa lắng nghe.
--	--

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được

- Chân dung nhân vật An-đéc-xen
- Thái độ và tình cảm của nhà văn với An-đéc-xen

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị và báo cáo sản phẩm + Thời gian thảo luận lại: 1 phút + Thời gian báo cáo: 3 phút	II. Khám phá văn bản 1. Chân dung nhân vật An-đéc-xen * Chân dung - Trong thực tế: xấu trai, cao kều, nhút nhát - Trong tưởng tượng của An-đéc-xen: Ông hình dung mình là người trẻ trung, đẹp trai, hoạt bát, tự nhận mình có “mái tóc rậm, lượn sóng”,

Hồ sơ nhân vật
An-đéc-xen

Chân dung

Hành động

Thái độ, cách ứng xử

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ nhóm

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá.

GV tổ chức THẢO LUẬN NHÓM BÀN

NV1. An-đéc-xen đã tiên đoán như thế nào về tương lai của các cô gái mới quen? Qua đó, em nhận ra mong ước, tình cảm gì của ông dành cho những cô gái ấy?

Gợi ý:

* **Với Ni-cô-li-a:** An-đéc-xen tiên đoán “nếu chẳng may có chuyện gì không lành xảy ra với người yêu của cô, cô sẽ chẳng đắn đo suy nghĩ, lên đường, vượt qua ngàn dặm, qua núi tuyết và sa mạc khô cằn để gặp chàng, cứu chàng khỏi cơn nguy khốn”

* **Với Ma-ri-a:** An-đéc-xen tiên đoán cô sẽ “gặp được một người xứng đáng với trái tim nhiều mong

mong gương mặt “rám nắng”, đôi mắt xanh “lúc nào cũng ánh lên cười”,... Ông tự nhận mình là nhà tiên tri, đoán định được tương lai, nhìn thấy được bóng tối, cũng xem mình là một hoàng tử bất hạnh như Hăm-lét.

➔ Có phần tự ti về ngoại hình và thực tế của của bản thân nhưng luôn khao khát hướng tới những điều tốt đẹp, theo đuổi cái hoàn mỹ và lãng mạn.

*** Hành động**

- Trả tiền còn thiếu cho các cô gái

- Yêu cầu người đánh xe không được thô lỗ, làm nhảm với khách

➔ Tốt bụng, hào phóng, biết cư xử lịch thiệp, sẵn sàng giúp đỡ người khác.

*** Thái độ, cách ứng xử**

- Nhiệt tình trò chuyện với các cô gái, tiên đoán về tương lai của họ.

➔ Có trí tưởng tượng phong phú

- Đem đến niềm vui cho cháu bé trong gia đình kiểm lâm ở xứ Giuýt-len

➔ Yêu mến trẻ thơ, biết đem đến niềm vui và hạnh phúc cho trẻ thơ

muốn của cô”, và người đó “tất nhiên phải là một người tuyệt vời”, “có một tâm hồn lớn lao” * Với An-na: An-đéc-xen tiên đoán cô sẽ hạnh phúc với sự bận bịu khi chăm sóc những đứa con và chồng tương lai sẽ “đỡ cô một tay trong việc đó” ➔ thôi thúc hành động của các cô gái, khích lệ họ đi tìm hạnh phúc cho riêng mình NV2. Theo An-đéc-xen kể lại, ông đã mang đến niềm vui cho cháu bé trong gia đình kiểm lâm xứ Giuýt-len. Em có đồng tình với ý kiến “trái tim bé sẽ không dễ bị trơ lì như với những người chưa từng chứng kiến chuyện cổ tích như thế” không? Vì sao? Câu trả lời của An-đéc-xen giàu sức thuyết phục, bởi ông đã xuất phát từ sức mạnh của trí tưởng tượng lãng mạn, bay bổng. Ông hiểu những câu chuyện cổ tích có tác dụng lớn trong việc nuôi dưỡng sự hồn nhiên, ngây thơ, chấp cánh cho trí tưởng tượng của trẻ thơ. Vì thế, ông dành cả đời để dùng trí tưởng tượng của mình đem đến hạnh phúc cho con người, khiến con người có đủ sức mạnh và hứng khởi để tìm kiếm cái đẹp, và làm cho thế giới bớt tàn nhẫn, bớt khô khan hơn.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Qua đoạn trích, em nhận ra tình cảm, thái độ gì của nhà văn Pau-xtốp-xki đối với nhà An-đéc-xen? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	2. Thái độ và tình cảm của nhà văn với An-đéc-xen - Pau-xtốp-xki có hiểu biết sâu sắc về cuộc đời An-đéc-xen, đồng điệu, hiểu An-đéc-xen. Nhân vật trong chuyện thấp thoáng bóng dáng của An-đéc-xen ngoài đời: từ ngoại hình, tính cách đến những tưởng tượng, suy tư. - Nhân vật An-đéc-xen trong câu chuyện mang vẻ đẹp lãng mạn, nhân hậu với trái tim trong

- HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định. GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.	sáng, đầy sắp tình thương yêu con người, đặc biệt là với trẻ thơ. - Đồng điệu với tâm hồn và hiểu con người, hiểu sáng tác của An-đéc-xen; hiểu lí tưởng của An-đéc-xen là ca tụng cái đẹp ở bất cứ nơi nào ông gặp.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Theo em, nghệ thuật của đoạn trích có gì nổi bật? + Hãy nêu tóm tắt lại nội dung của văn bản. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Xây dựng cốt truyện hấp dẫn; sáng tạo được tình huống đặc địa để làm nổi bật vẻ đẹp nhân vật - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Kết hợp hiện thực và tưởng tượng, nhân vật An-đéc-xen hiện lên qua cả những dấu ấn trong đời thực và những tưởng tượng, hư cấu. + Nhân vật hiện lên vừa sống động, sắc nét qua lời đối thoại, vừa có chiều sâu qua lời người kể chuyện. - Ngôn ngữ trong sáng, thấm đẫm chất thơ. - Nghệ thuật tạo dựng không gian, thời gian trong truyện độc đáo 2. Nội dung - Truyện đã làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật An-đéc-xen: một nhà văn có trí tưởng tượng phong phú, tâm hồn trong sáng, lãng mạn, giàu tình thương. - Câu chuyện cũng khẳng định sức mạnh của trí tưởng tượng và tác động của nó tới cuộc sống con người, làm cho cuộc đời trở nên tươi đẹp, nhiều màu sắc hơn.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

* Đối với HS khuyết tật nghe - nói:

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV nêu yêu cầu: Truyện cổ An-đéc-xen đã chinh phục hàng triệu trái tim độc giả. Theo em, trí tưởng tượng đã giúp ích như thế nào cho An-đéc-xen trong việc viết truyện cổ tích?

- Tạo ra những hình ảnh thiên nhiên, cuộc sống bay bổng, diệu kì; sáng tạo ra những tình huống thú vị, hấp dẫn.
- Hóa thân vào nhân vật, cất lên tiếng nói bên trong, khiến nhân vật vừa chân thực, vừa kì ảo.
- Đến gần hơn với thế giới tâm hồn trẻ thơ, nhìn cuộc sống qua lăng kính trẻ thơ.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 3p

GV tổ chức hoạt động: Nhà văn và trang viết

GV cho HS thực hiện 1 trong 3 nhiệm vụ

Thời gian: 1 tuần

- **Nhiệm vụ 1:** Qua đoạn trích, tái hiện chân dung nhân vật nhà văn An-đéc-xen.
- **Nhiệm vụ 2:** Tái hiện chân dung của một nhà văn mà em yêu thích nhất (vẽ tranh, poster, làm thơ,...)
- **Nhiệm vụ 3:** Chia sẻ một trang văn mà em yêu thích/gợi cho em những bài học, suy nghĩ tích cực,...

Rút kinh nghiệm

.....

Tiết 105, 106

ÔN TẬP GIỮA KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- HS khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong 8 tuần đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu văn bản, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt ở các bài 6, 7.

a. Đọc hiểu văn bản:

+ Phát biểu được đặc điểm của các thể loại đã học trong học kì II: Truyện ngắn hiện đại (bài 6); thơ tự do (bài 7).

+ Liên hệ, mở rộng: thực hành làm một số bài tập vận dụng.

b. Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện; Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.

c. Nói và nghe: Biết trình bày, giới thiệu ngắn về một cuốn sách (truyện); thảo luận ý kiến về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học).

d. Tiếng Việt: Ôn tập về trợ từ, thán từ; biện pháp tu từ, nghĩa của từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu.

- HS vận dụng kiến thức để tự đánh giá kết quả học tập giữa học kì II.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung ôn tập

2. Phẩm chất

- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

- Biết yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn con người; trân trọng sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video...

Thiết bị: Máy chiếu, bảng, máy tính

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5')

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức cho hs khởi động bằng một bài hát hay điệu nhảy dân vũ sôi động

- Hs thực hiện theo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC CHUNG BÀI 6, 7

Mục tiêu: Giúp HS ôn tập kiến thức 2 tuần học kì II.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài tập

Nội dung: Tham gia trò chơi học tập.

Sản phẩm: Đáp án các câu hỏi

Tổ chức thực hiện: 40p

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

TRÒ CHƠI: CHỮ CÁI BẮT NGỜ (W – B – A – D)

- GV chia lớp làm 4 đội thi.

- Người dẫn chương trình kiêm thư kí: Giáo viên
(GV có thể cử một học sinh trong lớp làm thư kí)

- GV phổ biến thể lệ cuộc thi như sau:

+ GV vẽ lên bảng đen 01 bảng có 16 ô, được kí hiệu từ 1 – 16.

1	2	3	4
5	6	7	8
9	10	11	12

13	14	15	16
----	----	----	----

+ Mỗi ô số sẽ tương ứng với 01 câu hỏi. Mỗi ô số sẽ ẩn chứa một chữ cái tương ứng (W -B – A – D) mà chỉ GV biết.

GV quy ước với HS:	
ô W (Wow):	+ 20 điểm cho đội của mình
ô B (Boom):	- 10 điểm cho đội của mình
ô A (Angel – thiên thần):	+ 10 điểm cho đội khác
ô D (Devil – ác quỷ) :	-10 điểm của đội khác
ô Ngôi sao may mắn:	+ 40 điểm cho đội của mình

+ Bảng ô số và chữ cái tương ứng mà chỉ GV được biết, do GV quy định:

Ví dụ:

1 A	2 W	3 B	4 D
5 W	6 B	7 W	8 D
9 A	10 W	11 W	12 
13 B	14 W	15 A	16 W

16 ô số nên bố trí:

- 7 ô **W**
- 3 ô **B**
- 3 ô **A**
- 2 ô **D**
- 1 ô may mắn



LUẬT CHƠI:

+ Các đội được lần lượt lựa chọn ô số trên bảng (1 – 16). Có thể tổ chức bốc thăm để xem thứ tự lựa chọn câu hỏi của các đội. Như vậy, với 16 ô câu hỏi, mỗi đội sẽ được bốc thăm trả lời 4 lần.

+ Khi đại diện nhóm chọn ô số, GV sẽ đọc câu hỏi tương ứng với ô số đó. Nhóm sẽ có 15s suy nghĩ và sau 15s phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời sai thì các đội khác sẽ giành quyền trả lời (chỉ một đội khác được quyền trả lời).

+ Khi trả lời đúng, GV sẽ thông báo chữ cái ẩn giấu dưới ô số mà nhóm đó đã chọn và tính điểm cho nhóm theo quy ước:

ô W (Wow): + 20 điểm cho đội của mình

ô B (Boom): - 10 điểm cho đội của mình

ô A (Angel – thiên thần): + 10 điểm cho đội khác

ô D (Devil – ác quỷ) : -10 điểm của đội khác

ô Ngôi sao may mắn: + 40 điểm cho đội của mình

Chú ý:

+ Tính hấp dẫn của trò chơi này là ở việc các nhóm không biết chữ cái gì được ẩn giấu sau ô số mình chọn. Chỉ khi trả lời xong câu hỏi thì GV mới thông báo chữ cái ẩn giấu sau ô số đó. Nên nhiều khi nhóm có câu trả lời đúng vẫn bị trừ điểm nếu chọn phải ô B (Boom) hay phải nhường điểm cho nhóm khác nếu chọn phải ô A (Angel).

+ Khi chọn phải ô A hoặc ô D, nhóm đó sẽ có quyền đưa ra quyết định cộng điểm/ trừ điểm của 1 trong 3 nhóm còn lại để có lợi cho thành tích của nhóm mình.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận

- HS tham gia trò chơi: Các đội chính thức bước vào các phần thi
- Yêu cầu HS cả 4 nhóm gấp sách vở lại khi tham gia.
- GV dẫn chương trình, quan sát, khích lệ.

=> **Hệ thống 16 câu hỏi tương ứng 16 ô số:**

Câu hỏi	Đáp án
1. Thế nào là cốt truyện đa tuyến? Lấy ví dụ về tác phẩm có cốt truyện đa tuyến.	Cốt truyện đa tuyến là kiểu cốt truyện tồn tại đồng thời ít nhất hai mạch sự kiện. Ví dụ: Tiểu thuyết <i>Mắt sói</i> (Đa-ni-en Pen-nắc), tiểu thuyết chương hồi <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> (Ngô gia văn phái),...
2. Nêu các tác dụng của trợ từ. Chỉ ra và nêu tác dụng của trợ từ trong câu sau: “Thế nhưng đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc nặng nhọc, gian nan”. (<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>)	*Tác dụng của trợ từ: - Nhấn mạnh sự việc, sự việc được nói đến ở từ ngữ mà nó đi kèm. Ví dụ: <i>cả, chính, ngay,...</i> - Biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ mà nó đi kèm Ví dụ: <i>những, chỉ, có,...</i> *Trợ từ trong câu văn: trợ từ “ chính ” nhằm nhấn mạnh đối tượng người họa sĩ.
3. Thán từ gồm mấy loại? Lấy ví dụ từng loại.	- Thán từ gồm 2 loại chính: + Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: <i>a; ái; ơ; ôi;...</i> Ví dụ: Ôi! Hôm nay trời đẹp quá! + Thán từ gọi đáp: <i>này; dạ; vâng; ơ; ừ;...</i> Ví dụ: Dạ , con cảm ơn cô.
4. Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản “Mắt sói” ((Đa-ni-en Pen-nắc).	Nghệ thuật kể chuyện trong văn bản “Mắt sói” ((Đa-ni-en Pen-nắc): - Cốt truyện đa tuyến với kiểu truyện lồng truyện. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo qua lời nói, hành động, tâm trạng,... - Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc. - Xây dựng được các chi tiết đặc sắc, giàu giá trị biểu đạt (mắt sói, mắt người) - Ngôn ngữ trong sáng, giàu cảm xúc, giàu hình ảnh
5. Nêu đề tài và chủ đề của truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn Thành Long).	Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn Thành Long): - Đề tài: người lao động - Chủ đề: Khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của những con người lao động đảm nhận các công việc thầm lặng, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước trong những năm 1970.

6. Nêu dàn ý chung của bài văn phân tích một tác phẩm truyện.	Mở bài: Giới thiệu tác phẩm truyện (nhân đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. Thân bài: - Ý 1: Nêu nội dung chính của tác phẩm. - Ý 2: Nêu chủ đề của tác phẩm. (Lưu ý: Một tác phẩm có thể có một hoặc nhiều chủ đề) - Ý 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Kết bài: Khẳng định vị trí ý nghĩa của tác phẩm.
7. Trình bày dàn ý chung của bài nói nghe Giới thiệu về một cuốn sách (truyện).	Mở đầu: Nêu tên cuốn sách và lí do giới thiệu cuốn sách với người nghe. + Triển khai: Trình bày những thông tin quan trọng về cuốn sách (tác giả, năm xuất bản, nội dung của tác phẩm, một vài nét nổi bật về nghệ thuật, sự đón nhận của độc giả,...). + Kết luận: Nêu cảm nghĩ, đánh giá của bản thân về cuốn sách, khích lệ người nghe tìm đọc.
8. Nêu những đặc điểm của thể thơ tự do (khái niệm, nội dung, hình thức).	- Khái niệm: Thơ tự do là thể thơ không quy định số tiếng trong mỗi dòng thơ và số dòng trong mỗi khổ thơ. - Hình thức: Thơ tự do gieo vần rất linh hoạt: vần chân hoặc vần lưng, vần liền hoặc vần cách. - Nội dung: Diễn tả sinh động cảm xúc của nhà thơ trước những biểu hiện mới mẻ, phong phú, đa dạng của cuộc sống.
9. Những đặc điểm của thể thơ tự do được thể hiện như thế nào qua bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu)? (số tiếng, số dòng, nhịp thơ, vần)	Đặc điểm của thể thơ tự do được thể hiện qua bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu): - Số tiếng trong một dòng: không bằng nhau giữa các dòng, có dòng bảy tiếng, có dòng tám tiếng, có dòng sáu tiếng, bốn tiếng, ba tiếng, hai tiếng. - Số dòng trong mỗi khổ: không đều nhau, phù hợp với nội dung cảm xúc. - Vần thơ: Bài thơ gieo vần chân, vần liền (đá - lạ, nhau - đầu, kỉ - chí, cày - lay, vá - giá, giày - tay,...); vần chân phối hợp với vần lưng (vai – vãi). - Nhịp thơ: Ngắt nhịp linh hoạt 3/4, 2/2, 2/4, 4/3,...
10. Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là gì? Nêu	Cảm hứng chủ đạo của một TPVH là tình cảm ... (7) chi phối toàn bộ cách thể hiện đời sống,

cảm hứng chủ đạo của bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu).	con người và sự lựa chọn hình thức nghệ thuật trong tác phẩm
11. Nêu cảm nhận về hình ảnh “đầu súng trăng treo” trong bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu).	Hình ảnh “đầu súng trăng treo”: - Là hình ảnh vừa hiện thực, vừa lãng mạn: Súng >< trăng + Súng: là biểu tượng cho hiện thực chiến đấu khốc liệt mà những người lính phải trải qua. + Trăng: là vẻ đẹp lãng mạn của thiên nhiên, biểu tượng cho hòa bình, cho khát vọng độc lập của người lính. - Hình ảnh khơi mở thế giới tâm hồn của người lính: vừa là chiến sĩ vừa là thi sĩ, vừa thực tế nhưng cũng rất đời mộng mơ.
12. Xác định mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo trong bài thơ “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi).	*Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình: Xuyên suốt bài thơ là tình yêu quê hương, đất nước của nhân vật trữ tình; được vận động qua các cung bậc sau: + Mến thương người em gái nhỏ - hình bóng quê hương - mà người lính tình cờ gặp gỡ trên tuyến đường Trường Sơn. + Yêu mến, tự hào về những người anh hùng vô danh; biết ơn những cống hiến, hi sinh lớn lao, thầm lặng của hàng triệu người con cho Tổ quốc,... + Niềm tin mãnh liệt vào chiến thắng cuối cùng của cuộc kháng chiến. *Cảm hứng chủ đạo: Ngợi ca tinh thần yêu nước, những đóng góp lớn lao của những người anh hùng chưa biết tên để tạo nên sức mạnh dân tộc, góp phần làm nên chiến thắng trong những cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.
13. Nêu cảm nhận về vẻ đẹp của hình ảnh “người em gái tiền phương” trong bài thơ “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi).	- Hình ảnh “người em gái tiền phương” hiện lên vừa thân thương, dịu dàng, gần gũi, giản dị; vừa kiên cường, dũng cảm, vững vàng khi làm nhiệm vụ; trở thành biểu tượng của quê hương, đất nước. - Hình ảnh người em gái tiền phương biểu tượng cho cuộc chiến tranh nhân dân của dân tộc, cho khát vọng độc lập, hoà bình của toàn dân.
14. Qua các văn bản đọc hiểu ở bài học 7 (Đồng chí, Lá đỏ, Những ngôi sao xa xôi), em có suy nghĩ gì về tuổi trẻ Việt	- Thế hệ trẻ trong những năm tháng chiến tranh phải đối mặt với bao gian lao, hiểm nguy, luôn phải đối mặt với bom đạn kẻ thù, với cái chết.

Nam trong những năm tháng chiến tranh?	- Tuy nhiên, họ luôn tỏa sáng những vẻ đẹp tâm hồn đáng quý: đó là tình yêu đất nước, lí tưởng sống cao đẹp; sự kiên cường, dũng cảm, trách nhiệm trong chiến đấu; luôn lạc quan vào tương lai đất nước,...
15. Nêu giá trị biểu đạt của các từ láy được sử dụng trong khổ thơ sau: <i>Một bếp lửa chồn vờn sương sớm</i> <i>Một bếp lửa ấp iu nồng đượm</i> <i>Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!</i> (Bằng Việt, <i>Bếp lửa</i>)	- Các từ láy: “chồn vờn”, “ấp iu”. - Giá trị biểu đạt: + “Chồn vờn”: gợi hình ảnh ngọn lửa bập bùng ẩn hiện trong buổi sớm mai hoà cùng làn sương sớm. + “Ấp iu”: gợi bàn tay khéo léo, tấm lòng chi chút của người nhóm lửa, rất chính xác với công việc nhóm bếp củi.
16. Nêu dàn ý của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.	- Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu cảm nhận chung về bài thơ. - Thân đoạn: + Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của bài thơ trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật (có thể kết hợp phân tích theo mạch cảm xúc của bài thơ) + Nêu tác dụng của thể thơ tự do trong việc thể hiện mạch cảm xúc, nét độc đáo của bài thơ. - Kết đoạn: Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ.

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH ĐỀ ÔN LUYỆN TỔNG HỢP

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**
 Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: HS làm bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện: 45p

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS thực hành luyện đề ôn tập tổng hợp (có cả đọc hiểu và làm văn).
- HS làm bài nghiêm túc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân theo yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

Đề tham khảo:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Ta đã đi qua những năm tháng không ngờ
Vô tư quá để bây giờ xao xuyến

*Bèo lục bình mênh mang màu mực tím
Nét chữ thiếu thời trôi nhanh như dòng sông...*

*Ta lớn lên bồi rồi một sắc hồng
Phượng cứ nở hoài như đếm tuổi
Như chiều nay, một buổi chiều dãn dôi
Ta nhận ra mình đang lớn khôn...*

*Biết ơn những cánh sẻ nâu đã bay đến cánh đồng
Rút những cọng rom vàng về kết tổ
Đã dạy ta với cánh diều thơ nhỏ
Biết kéo về cả một sắc trời xanh...*

*Biết ơn mẹ vẫn tính cho con thêm một tuổi sinh thành
“Tuổi của mẹ” con nằm trong bụng mẹ
Để con quý yêu tháng ngày tuổi trẻ
Buổi mở mắt chào đời, phút nhắm mắt ra đi...*

(Trích chương I Lời chào, trường ca *Mặt đường khát vọng*,
Nguyễn Khoa Điềm, NXB Văn nghệ giải phóng, 1974)

Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 7:

Câu 1. Đoạn trích trên được làm theo thể thơ gì?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ lục bát
- C. Thể thơ bảy chữ
- D. Thể thơ tám chữ

Câu 2. *Sắc hồng* trong câu thơ *Ta lớn lên bồi rồi một sắc hồng* là của sự vật nào?

- A. Hoa mào gà
- B. Hoa phượng
- C. Chim sẻ
- D. Cánh diều

Câu 3. Từ nào sau đây **không** phải từ láy?

- A. xao xuyến
- B. mênh mang
- C. thiếu thời
- D. bồi rồi

Câu 4. Vì sao nhân vật trữ tình biết ơn những cánh sẻ nâu?

- A. Đã rút những vọng rom vàng về kết tổ
- B. Đã dạy ta với cánh diều, kéo về cả sắc trời xanh
- C. Giúp ta biết quý yêu tháng ngày tuổi trẻ
- D. Giúp ta nhận ra mình đã lớn khôn

Câu 5. Hiểu thế nào về cụm từ “*tuổi của mẹ*”?

- A. Tuổi của mẹ
- B. Tuổi trưởng thành
- C. Tuổi được tính từ trong bụng mẹ
- D. Tuổi trẻ của mỗi người

Câu 6. Câu thơ: “*Nét chữ thiếu thời trôi nhanh như dòng sông...*” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh

C. Nhân hoá

B. Nhân hoá và so sánh

D. Ẩn dụ và so sánh

Câu 7. Ý nào nhận xét **không đúng** về các hình ảnh được nhắc đến trong đoạn trích?

A. Là những hình ảnh đẹp đẽ, trong sáng về những năm tháng tuổi niên thiếu

B. Là những hình ảnh gần gũi, quen thuộc với mỗi người

C. Là những hình ảnh kì vĩ, lớn lao trong những năm tháng ta đã đi qua

D. Là những hình ảnh gợi cảm xúc về thừa thiếu thời

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Nêu hiệu quả của phép điệp được sử dụng trong hai khổ cuối đoạn trích.

Câu 9. Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện qua đoạn trích.

Câu 10. Em hãy rút ra thông điệp ý nghĩa nhất từ đoạn thơ trên. Lí giải.

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về đoạn thơ trong ngữ liệu đọc hiểu.

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm														
I		ĐỌC HIỂU	6.0														
	1 - 7	<table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr><tr><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>B</td><td>C</td><td>D</td><td>C</td></tr></table> Hướng dẫn chấm: Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.	1	2	3	4	5	6	7	A	B	C	B	C	D	C	3.5
1	2	3	4	5	6	7											
A	B	C	B	C	D	C											
	8	Phép điệp ngữ: “Biết ơn” (0.25) Tác dụng: + Tạo nhịp điệu cho lời thơ, khiến đoạn thơ giàu nhạc điệu. (0.25) + Nhấn mạnh sự thức nhận và lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ đối với mẹ và những điều bình dị xung quanh đã giúp nhà thơ dần trưởng thành và biết trân trọng tuổi trẻ.(0.5) Hướng dẫn chấm: - Trả lời đầy đủ 2 ý như đáp án: 1.0 điểm - Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0.25 – 0.75 điểm - Không trả lời: 0 điểm	1.0														
	9	Đoạn trích thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình: xao xuyến, bồi hồi và tiếc nuối về những tháng ngày thơ ấu đẹp đẽ; đồng thời cũng thể hiện niềm trân trọng đối với những điều bình dị, thân thuộc quanh mình và lòng biết ơn về công lao sinh thành của mẹ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như Đáp án: 0.5 điểm - Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0.25 điểm - Không trả lời: 0 điểm	0.5														

	10 HS nêu 01 thông điệp và đưa ra lí giải về ý nghĩa của thông điệp đó. Có thể lựa chọn: Thông điệp về lòng biết ơn; cần biết trân trọng những điều bình dị quanh mình,... Ví dụ: - Thông điệp: Trong cuộc sống, mỗi người cần biết nuôi dưỡng lòng biết ơn - Lí giải: + Lòng biết ơn giúp phát huy, kế thừa truyền thống tốt đẹp, giúp con người sống có tình nghĩa, biết yêu thương, san sẻ, gắn kết giữa con người với con người. + Lòng biết ơn giúp con người hoàn thiện về nhân cách, hướng con người ta đến lối sống nghĩa tình, lành mạnh. + Lòng biết ơn giúp gây dựng những mối quan hệ tốt đẹp. ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	
II	LÀM VĂN	4.0
	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về đoạn thơ trong ngữ liệu đọc hiểu.	
	a. Đảm bảo hình thức và cấu trúc đoạn văn - Được viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. - Cấu trúc gồm 3 phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.	0,25
	b. Xác định đúng đối tượng cần nêu cảm nghĩ Đoạn văn viết theo thể thơ tự do trong phần Đọc hiểu.	0.25
	c. Triển khai đoạn văn Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
	*Giới thiệu nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm cùng trường ca “Mặt đường khát vọng”, vị trí đoạn thơ.	0.25
	*Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của đoạn thơ về cả nội dung và nghệ thuật:	1.75

	- Xác định chủ đề/ nội dung chính đoạn thơ: Đoạn trích thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình: xao xuyến, bồi hồi và tiếc nuối về những tháng ngày thơ ấu đẹp đẽ; đồng thời cũng thể hiện niềm trân trọng đối với những điều bình dị, thân thuộc quanh mình và lòng biết ơn về công lao sinh thành của mẹ. - Nêu cảm nghĩ về một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của đoạn thơ (phù hợp với đặc trưng thơ tự do: + Chủ thể trữ tình: Xuất hiện trực tiếp qua đại từ nhân xưng “ta” + Từ ngữ: sử dụng các từ ngữ bộc lộ tình cảm trực tiếp: <i>vô tư, xao xuyến, mệnh mang, bối rối, biết ơn, quý yêu, ...</i> + Hình ảnh gần gũi, thân thuộc về những năm tháng niên thiếu tươi đẹp: <i>màu mực tím, bèo lục bình, nét chữ thiếu thời, hoa phượng, những cánh sẻ nâu, cánh diều thơ nhỏ, sắc trời xanh, ...</i> + Các phép tu từ: ẩn dụ <i>nét chữ thiếu thời trôi nhanh</i>; so sánh (<i>Nét chữ thiếu thời trôi nhanh như dòng sông; Phượng cứ nở hoài như đếm tuổi, ...</i>), điệp ngữ <i>biết ơn, ...</i> + Giọng điệu trữ tình nhẹ nhàng, lắng sâu, chiêm nghiệm. - Nêu tác dụng của thể thơ tự do: Thể thơ tự do với vần, nhịp linh hoạt giúp nhà thơ thể hiện sâu sắc nỗi nhớ tuổi niên thiếu da diết – một tuổi thơ êm đềm, bình yên và lòng biết ơn đối với những điều giản dị quanh mình. Hướng dẫn chấm: - <i>Nêu cảm nghĩ đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm – 1,75 điểm.</i> - <i>Nêu cảm nghĩ đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc nêu cảm nghĩ sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm – 1,25 điểm.</i> - <i>Nêu cảm nghĩ chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm..</i>	
	- Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ: Đoạn thơ của Nguyễn Khoa Điềm đã gieo cho ta những chiêm nghiệm, để từ đó thêm biết ơn và trân trọng những điều bé nhỏ, giản dị quanh mình, thêm yêu quê hương, đất nước hơn.	0.5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu đoạn văn có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.5

	e. Sáng tạo Thể hiện cảm nghĩ sâu sắc về đoạn thơ; có cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh, cảm xúc. Hướng dẫn chấm: - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0.5
Tổng điểm		10,0

Tiết 110,111,112. Viết

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM (TRUYỆN)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm (truyện): nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm, nêu ra được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.
- Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ cho luận điểm được nêu trong bài viết.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

* Đối với HS khuyết tật nghe - nói:

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm (truyện): nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm, nêu ra được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập...)

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:** 5p

GV tổ chức trò chơi ĐÔI MẮT TINH ANH



Truyen
Tac pham
Phan tich
Chu de
Dac sac nghe thuat
Cot truyen
Nhan vat
Nguoi ke chuyen

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Mỗi tác phẩm văn học là một thế giới nghệ thuật sống động, thu hút sự khám phá giải mã của người đọc. Việc phân tích tác phẩm giúp ta hiểu sâu sắc hơn về vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ và những thông điệp mà tác giả gửi gắm. Trong bài 6, chúng ta đã được hướng dẫn cách viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Phần viết của bài học này sẽ tiếp tục hướng dẫn các em cách viết kiểu bài trên để củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng đã học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Giới thiệu kiểu bài

a. **Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm (truyện).

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được nội dung bài học.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:** 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm và yêu cầu khi viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động	I. Giới thiệu kiểu bài 1. Khái niệm Phân tích một tác phẩm truyện là làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm được thể hiện qua những yếu tố cơ bản của thể loại truyện như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện,... 2. Yêu cầu - Giới thiệu tác phẩm truyện (nhân đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.

- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Nêu được chủ đề của tác phẩm. - Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...) - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. - Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.
---	---

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *Bức tranh của em gái tôi*- lời tự thú chân thành

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 40p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động THỂ CÂU HỎI Gv chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu trả lời các thể câu hỏi, gv mời ngẫu nhiên các thành viên trong từng nhóm lần lượt trả lời từng thể câu hỏi 1. Phần mở bài của bài viết tham khảo giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm như thế nào? 2. Bài viết tham khảo đã nêu nội dung chính và chủ đề của truyện là gì? 3. Theo bài viết tham khảo, truyện có những đặc điểm nổi bật nào về hình thức nghệ thuật? 4. Trong các đặc điểm về hình thức nghệ thuật ấy, bài viết tham khảo lựa chọn phân tích kỹ lưỡng đặc điểm nào, đặc điểm nào chỉ cần nêu lên chứ không cần phải phân tích? 5. Theo bài viết tham khảo, ý nghĩa của truyện là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ	II. Phân tích bài viết tham khảo Phần mở đầu: 1. Dẫn dắt, giới thiệu về nhà văn Tạ Duy Anh và truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi” Phần thân bài 2 - Nội dung chính: truyện kể về Kiều Phương, em gái của “tôi”, khi được phát hiện tài năng hội họa, “tôi” có chút ghen tị và mặc cảm. Khi em gái được giải nhất cuộc thi vẽ, “tôi” mới biết em đã vẽ một bức tranh về mình và thức tỉnh, nhận ra tấm lòng nhân hậu của em gái. - Chủ đề + Ca ngợi tài năng và vẻ đẹp của bé Kiều Phương. + Sự ăn năn, thức tỉnh của người anh → Tâm lí tuổi mới lớn và mối quan hệ ứng xử trong gia đình 3. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật - Sử dụng ngôi kể thứ nhất - Ngôn ngữ trong sáng, - Cốt truyện đơn giản - Lối mở truyện tự nhiên và kết truyện bất ngờ 4. Cần phân tích kĩ:

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Kiền Phương chủ yếu được khắc hoạ qua lời nói, cử chỉ, hành động. + Anh trai được khắc hoạ rõ nét về tâm lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất: giúp tâm trạng của nhân vật “tôi” được khắc hoạ chân thực Phần kết bài 5. Truyện đặt ra những vấn đề đáng suy ngẫm về tâm lí tuổi mới lớn và mối quan hệ ứng xử trong gia đình
--	---

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 65p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết tốt 1 bài văn phân tích một tác phẩm truyện gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - GV hướng dẫn học sinh các bước tiến hành viết một bài văn phân tích một tác phẩm truyện - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài Tham khảo các đề tài sau: + Sức hấp dẫn của đoạn trích <i>Xe đêm</i> của Pau- xtốp- xki + Những nét đặc sắc của truyện ngắn <i>Những ngôi sao xa xôi</i> của Lê Minh Khuê + Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích <i>Đi lấy mật</i>, trích <i>Đất rừng Phương Nam</i> của Đoàn Giỏi b. Tìm ý Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi xoay quanh tác phẩm đã chọn: - Nội dung của truyện là gì? Nội dung của truyện được thể hiện như thế nào qua hệ thống nhân vật, sự kiện? - Chủ đề của truyện là gì? - Truyện có những đặc điểm nào nổi bật về hình thức nghệ thuật? Những đặc điểm về hình thức nghệ thuật đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện nội dung? - Ý nghĩa của truyện là gì?

c. Lập dàn ý

- **Mở bài:** giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tác giả); nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.

- **Thân bài**

+ Nêu nội dung chính của tác phẩm.

+ Nêu chủ đề của tác phẩm.

+ Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm

- **Kết bài:** khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm

2. Viết bài**Khi viết bài, em cần chú ý:**

- Dựa vào dàn ý, triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm đã xây dựng

- Xác định rõ mục đích viết bài văn phân tích tác phẩm truyện để không viết theo lối kể chuyện hay nêu cảm nghĩ.

- Mỗi luận điểm cần được làm sang rõ bằng các lí lẽ, bằng chứng. Khi phân tích cần bám sát sự kiện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ.

3. Chỉnh sửa bài viết

BẢNG KIỂM KỸ NĂNG VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM (TRUYỆN)

Hướng dẫn: Hãy đánh dấu ✓ vào cột Có hay Không đạt để kiểm tra, đánh giá bài viết của mình.

	Tiêu chí đánh giá bài viết	Có	Không
Mở bài	Giới thiệu ngắn gọn tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả)		
	Nêu ý kiến khái quát về tác phẩm		
Thân bài	Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm		
	Nêu chủ đề tác phẩm		
	Trích dẫn một số bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề tác phẩm		
	Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm		
Kết bài	Trích dẫn một số bằng chứng để làm sáng tỏ đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm		
	Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm		

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

* Đối với HS khuyết tật nghe - nói:
Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 15p

GV tổ chức hoạt động:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu hoàn thành PHT

HỌ VÀ TÊN: _____ LỚP: _____	
Phiếu học tập (Chuẩn bị ở nhà: Lập dàn ý cho bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích)	
1. Đọc lại truyện và ghi lại các thông tin cần thiết về tác giả, hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề 2. Lập dàn ý cho bài văn theo mẫu sau:	
Mở bài - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm - Đánh giá, ấn tượng chung về tác phẩm	
Thân bài: Lần lượt phân tích tác phẩm truyện theo hệ thống ý dự kiến (nhân vật, cốt truyện hay theo phương diện nội dung, nghệ thuật)	
Hệ thống các ý	Nhận xét, ý kiến riêng của em
1. Nội dung chính của tác phẩm	
2. Chủ đề của tác phẩm	
3. Những nét đặc sắc về nghệ thuật	
Kết bài: Khái quát ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện	

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- GV yêu cầu HS: Thực hành bài viết và chỉnh sửa đánh giá theo bảng mẫu.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Tiết 113. Nói và nghe

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (Văn học trong đời sống hiện nay)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Trình bày được ý kiến về vấn đề văn học trong đời sống hiện nay.
- Trao đổi, tương tác trong vai trò của người nói và người nghe một cách hợp lý, biết cách bảo vệ ý kiến của bản thân và tôn trọng sự khác biệt.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài về vấn đề văn học trong đời sống hiện nay.

2. Về phẩm chất

- Kỉ luật, biết lắng nghe
- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- Sách giáo khoa, Sách giáo viên
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, biên bản liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức hoạt động TÌM X

X là nghệ thuật dùng ngôn ngữ và hình tượng để thể hiện đời sống và xã hội con người

→ Văn chương (Văn học)

- **GV dẫn vào bài học:** Từ xưa đến nay, văn học luôn song hành, gắn bó mật thiết với con người và đời sống xã hội. Tuy nhiên, ở mỗi thời kì và mỗi người, cách nhìn nhận, suy nghĩ về vai trò của văn học lại có những điểm khác biệt. Thế nhưng, không thể phủ nhận rằng, văn học là tấm gương phản chiếu cuộc sống, nơi kí thác những tâm tư, tình cảm con người. Tiết học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận về vấn đề này nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Trước khi viết

a. Mục tiêu: HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Theo em, để thực hiện tốt Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (Văn học trong	I. Trước khi viết - Xác định nội dung nói văn học trong đời sống hiện nay. - Thu thập tài liệu và tìm ý

đời sống hiện nay), chúng ta cần trải qua những bước nào? Nội dung cụ thể trong từng bước đó là gì? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	+ Tìm kiếm các tài liệu về vai trò, vị trí của văn học; cơ hội và thách thức của văn học trong đời sống hiện nay. + Tập trung suy nghĩ về một số vấn đề và đặt ra các câu hỏi để tìm ý như: học có còn quan trọng trong đời sống hiện nay không? Trước sự phổ biến của các phương tiện nghe nhìn, văn học có gặp phải thách thức gì không? Văn học đem đến cho người đọc nhận thức gì về đời sống, xã hội, con người? Văn học khiến con người có thái độ ra sao trước cái đúng, cái sai, cái tốt, cái xấu? Vì sao có thể nói văn học có khả năng đánh thức những rung cảm trước cái đẹp của con người?... - Xác định nội dung nói văn học trong đời sống hiện nay: xác định các luận điểm, sử dụng lí lẽ, bằng chứng làm sáng tỏ vấn đề. - Dự kiến các ý kiến phản biện của người nghe để chuẩn bị trao đổi, đối thoại.
---	--

2.2. Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi nói

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Ở phần thảo luận, nhiệm vụ của người nói và người nghe là gì? + Chúng ta cần lưu ý điều gì khi thực hành thảo luận? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	II. Trình bày bài nói - Trình bày bài nói theo nội dung đã chuẩn bị: + Nêu vấn đề, khẳng định tầm quan trọng của văn học đối với đời sống và những thách thức đặt ra cho văn học trong bối cảnh hiện nay. + Trình bày các luận điểm triển khai vấn đề (có thể xác định luận điểm dựa vào vai trò, vị trí của văn học, những thách thức đối với văn học trong đời sống hiện nay...). + Dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. - Điều chỉnh giọng nói, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,... phù hợp với nội dung nói; có thể kết hợp các phương tiện hỗ trợ (tranh, ảnh, đoạn phim ngắn....) để phần trình bày thêm sinh động.

2.3. Sau khi nói

- a. **Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về bài nói của bạn.
 b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
 c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
 d. **Tổ chức thực hiện:** 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đánh giá bài thảo luận theo mẫu bảng kiểm - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. Sau khi nói Người nói và người nghe cùng trao đổi về các vấn đề sau: - Nội dung và cách thức trình bày của người nói (đánh giá tính thuyết phục của hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; nhận xét về cách nói, giọng nói, cách sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ,...) - Thái độ và sự tương tác giữa người nói và người nghe (đánh giá sự tôn trọng đối với người đối thoại, mức độ tương tác,...) - Ý kiến và cách phản biện của người nghe (đánh giá tính xác đáng, hợp lí của ý kiến; nội dung phản biện; cách tiếp nhận ý kiến của người nói).

BẢNG KIỂM BÀI NÓI
 Sử dụng để nhận xét, đánh giá và chỉnh sửa bài nói

Hướng dẫn: Hãy đánh dấu ☒ vào cột Đạt, không đạt, Góp ý để kiểm tra, đánh giá bài nói

Tiêu chí đánh giá	Đạt	Không đạt	Góp ý
Phần nói			
1. Giới thiệu nội dung bài nói một cách rõ ràng			
2. Nội dung sáng rõ, sử dụng các lí lẽ thuyết phục, bằng chứng hợp lí để bảo vệ cho các ý kiến			
3. Nội ý kiến đánh giá về vai trò, ý nghĩa của văn học: cơ hội và thách thức của văn học trong bối cảnh chuyển đổi số			
4. Cách trình bày mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu, đúng thời gian quy định			
5. Tự tin, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể			
Phần nghe			
1. Hiểu đúng và tóm tắt được nội dung bài nói vừa trình bày			
2. Có thái độ lắng nghe tích cực			
3. Có những câu hỏi hoặc chia sẻ, góp ý tích cực cho nội dung chia sẻ của người nói			

Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.
- * **Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**
 Làm được các bài tập nhận biết
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:** 3p
- GV tổ chức DỰ ÁN: HỌC SINH VÀ TRANG VIẾT KHĂN TRẢI BÀN**
- Chia lớp thành 4 nhóm

- Yêu cầu: mỗi thành viên trong nhóm chuẩn bị một ý kiến và đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ cho ý kiến của mình
- Thống nhất chọn 1 ý kiến trong nhóm (2 phút)
- Cử đại diện lên trình bày bài nói (5 phút)

Bài tham khảo

Như chúng ta đã biết, văn chương bao gồm tất cả những gì rộng rãi nhất về nghệ thuật ngôn ngữ. Nó có thể là những kiến thức về lịch sử, địa lí, tri thức, ... Hiểu theo nghĩa hẹp hơn thì đó là tác phẩm văn học, nghệ thuật ngôn từ, ... Hẹp hơn nữa là tính nghệ thuật, vẻ đẹp của câu văn, lời nói. Văn chương nó rất nhiều khái niệm để hiểu được nó và cũng từ đó mà nó đã có thật nhiều công dụng đem lại cho mọi người tận hưởng nét nghệ thuật văn chương đó. Như trong văn bản “Ý nghĩa văn chương” của tác giả Hoài Thanh đã có chứng minh rất rõ công dụng quý giá của văn chương. Nó là hình dung và sự sáng tạo của bao sự sống muôn hình vạn trạng; là nguồn gốc cốt yếu của bao tình thương yêu con người, động vật thật cao cả. Cuộc sống của con người ngày càng bận rộn, hối hả để chạy theo những cuộc đua vật chất và tinh thần trong xã hội nên việc cảm nhận những nét đẹp trong cuộc sống ngày càng khó khăn và hạn hẹp hơn. Vì thế, có không ít ý kiến cho rằng, giá trị của văn học đã bị giảm đi trước sự cạnh tranh của các phương tiện nghe nhìn. Tuy nhiên, thực tế đã phủ định điều đó. Vì văn chương đã giúp chúng ta cảm nhận sâu sắc hơn, thực tế hơn những cảm xúc mà bản thân chưa có hoặc chưa khai thác được vì nhu cầu đời sống xã hội. Văn chương chính là hình dung của bao tâm hồn thi sĩ, yêu đời và hết sức đẹp đẽ.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 2p

GV áp dụng kĩ thuật 1-1-1

- Em hãy viết lại **1 điều mà em tâm đắc** trong buổi nói – nghe ngày hôm nay.
- Em hãy viết lại **1 điều mà em còn băn khoăn** trong buổi nói – nghe ngày hôm nay.
- Em hãy viết lại **1 điều mà em cần góp ý** trong buổi nói – nghe ngày hôm nay.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG

GVBM

Ký bởi: NGUYỄN THỊ NGÀ
Thời gian ký: 08/03/2026 21:37:55
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS



Nguyễn Thị Nga

Ký bởi: NGUYỄN THỊ HƯƠNG
Thời gian ký: 04/03/2026 09:21:25
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS



Nguyễn Thị Hương

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 08:31 07/04/2026
bởi Nguyễn Thị Hương (badong_huongnguyen) – TRƯỜNG THCS BA ĐỘNG